

Phụ lục số 6

(Ban hành kèm theo Thông tư số 56/2022/TT-BTC
ngày 16 tháng 9 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

UBND THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT
TRƯỜNG TIỂU HỌC HOÀ PHÚ

Số : 20 /BC-THHP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hòa Phú, ngày 21 tháng 01 năm 2025

BÁO CÁO
KẾT QUẢ THỰC HIỆN CƠ CHẾ TỰ CHỦ TÀI CHÍNH
CỦA TRƯỜNG TH HÒA PHÚ NĂM 2025

(Dùng cho đơn vị sự nghiệp công lập báo cáo cơ quan quản lý cấp trên)

I. Đánh giá chung

Đơn vị đã thực hiện theo Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ để các đơn vị xác định mức độ tự chủ tài chính của đơn vị mình.

II. Đánh giá cụ thể

1. Về tình hình thực hiện nhiệm vụ; tổ chức bộ máy; số lượng cán bộ, viên chức và lao động hợp đồng:

a) Về tổ chức bộ máy:

- Tổng số đơn vị trường học: 1 trường

b) Về số lượng cán bộ, viên chức, lao động hợp đồng:

- Tổng số cán bộ, viên chức, lao động hợp đồng giao đầu năm: 92 người

- Tổng số cán bộ, viên chức, lao động hợp đồng cuối năm: 97 người, bao gồm: (trong đó: số cán bộ, viên chức 92 người; số lao động hợp đồng theo NĐ 111: 5 người ; số lao động hợp đồng từ 01 năm trở lên 0 người)

Nguyên nhân:

c) Về thực hiện nhiệm vụ được giao:

- Thực hiện và hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao trong năm, các chính sách chế độ của Tỉnh theo nghị quyết 05/2019/NQ-HĐND ; nghị quyết 07/2019/NQ-HĐND ngày 31/7/2019 của Hội đồng Nhân dân Tỉnh Bình Dương và các quy định về tài chính.

- Về thực hiện nhiệm vụ cung cấp dịch vụ sự nghiệp công (thu học phí chính khóa) của cấp mầm non và Trung học cơ sở theo Nghị quyết 10/2021/NQ-HĐND ngày 31/7/2019 của Hội đồng Nhân dân Tỉnh Bình Dương

- Thực hiện tốt các nhiệm vụ chi thường xuyên, chi không thường xuyên và các nhiệm vụ khác theo dự toán được giao trong năm 2022 của cấp mầm non. Tiểu học, Trung học cơ sở bao gồm tổ chức các hội thi cấp thành phố, hỗ trợ của Tỉnh...

2. Về giao quyền tự chủ tài chính cho đơn vị



Đơn vị được cơ quan cấp trên giao quyền tự chủ tài chính theo Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ theo Căn cứ Quyết định số 707/QĐ-PGDĐT ngày 25/5/2022 của Phòng Giáo Dục Thành phố Thủ Dầu Một về việc giao tự chủ tài chính giai đoạn 2022-2025 cho đơn vị sự nghiệp công Trường Tiểu Học Hòa Phú.

3. Về thực hiện tự chủ tài chính của đơn vị

a) Về các khoản thu sự nghiệp, thu phí, thu từ nguồn NSNN đặt hàng, giao nhiệm vụ:

- Khoản thu do Nhà nước đặt hàng, giao nhiệm vụ cung cấp dịch vụ sự nghiệp công sử dụng NSNN thực hiện thu học phí chính khóa của cấp mầm non và THCS theo NQ 10/2021/NQ-HĐND cụ thể:

- Thu khác (nếu có): thực hiện thu căn tin theo tình hình thực tế của các đơn vị cấp tiểu học và THCS

b) Về nguồn thu, chi thường xuyên: *(chi tiết theo phụ lục 6)*

b.1) Nguồn thu sự nghiệp:

- Thu học phí chính khóa:

- Thu căn tin:

+ Dự toán thu: 0 triệu đồng

+ Số thực hiện: 0 triệu đồng.

b.2) Ngân sách cấp chi nhiệm vụ thường xuyên :

- Thực hiện các nhiệm vụ chi thường xuyên theo dự toán giao của cấp có thẩm quyền, thực hiện chi thường xuyên các nội dung gồm lương, tiền công và các khoản đóng góp; các hoạt động từ nguồn thu sự nghiệp; mua sắm, sửa chữa bảo dưỡng tài sản thường xuyên; các khoản chi thường xuyên khác như thanh toán tiền điện, tiền nước, cước Internet, văn phòng phẩm, công tác phí...

- Ngân sách cấp chi thường xuyên của cụ thể:

+ Dự toán thu: 17.696 triệu đồng

+ Số thực hiện: 15.956 triệu đồng (trong đó năm trước chuyển sang là 773 triệu đồng)

c) Chênh lệch thu, chi thường xuyên trích lập các quỹ (theo số thực hiện): 0 triệu đồng

- Tình hình sử dụng quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp : Số dư đầu năm 0 triệu đồng; số trích trong năm: 0 triệu đồng; số chi quỹ trong năm: 0 triệu đồng; số dư chuyển sang năm sau: 0 triệu đồng.

- Đơn vị nhóm 3 sử dụng kinh phí chi thường xuyên tiết kiệm, hiệu quả theo dự toán của cấp thẩm quyền giao và hoàn thành tốt các hoạt động của ngành.

d) Về chi trả thu nhập tăng thêm trong năm là **1.092 triệu đồng** trong đó:



- Tổng chi thu nhập tăng thêm của đơn vị: **1.092 triệu đồng**
- Thu nhập tăng thêm bình quân của người lao động trong đơn vị (cấp Tiểu học) : 0,934 triệu đồng/tháng; hệ số tăng thu nhập bình quân: 0,083 lần; trong đó:

đ) Tình hình xây dựng, thực hiện quy chế chi tiêu nội bộ.

Các đơn vị đều đã xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ theo quy định tại 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ, trên cơ sở các văn bản hướng dẫn của các cấp, các ngành.

Đảm bảo tiết kiệm chi thường xuyên một cách hợp lý nhất trên cơ sở hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao

e) Các biện pháp thực hành tiết kiệm chi và tăng thu.

Các đơn vị thực hiện tiết kiệm các chi phí nghiệp vụ chuyên môn như: Tiết kiệm tiền điện, tiền nước, tiền báo, tiền điện thoại, tiền photo, tiền văn phòng phẩm và các khoản chi khác để đảm bảo chi tăng nhu nhập cho tất cả VC – người lao động một cách công khai, minh bạch theo quy chế chi tiêu nội bộ đã được xây dựng và được thống nhất nội bộ trong đơn vị

g) Về thực hiện các hoạt động vay vốn, huy động vốn: không có

5. Nguồn thu, chi nhiệm vụ thường xuyên không giao tự chủ của:

+ Dự toán thu: 3.992 triệu đồng

+ Số thực hiện: 2.814 triệu đồng.

6. Những khó khăn, tồn tại, nguyên nhân.

Đối với thực hiện nhiệm vụ chi thường xuyên không giao tự chủ không đạt tỷ lệ 100% nguyên nhân do số lượng học sinh giảm nên cho tiền vượt số ít hơn dự toán và đơn vị thực hành tiết kiệm từ các khoản chi.

7. Đề xuất, kiến nghị: không

(Biểu báo cáo số liệu kèm theo phụ lục 6).

Người lập báo cáo

Đinh Thị Khánh Vân

HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Văn Công



BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CƠ CHẾ TỰ CHỦ TÀI CHÍNH NĂM 2024

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Nội dung	Đơn vị	Cấp Tiểu học		
			Kế hoạch/ Dự toán	Thực hiện	Ghi chú
I	Số lượng cán bộ, viên chức và lao động hợp đồng của đơn vị	Người	92	97	
1	Số cán bộ, viên chức	Người	87	92	
2	Số lao động hợp đồng từ 01 năm trở lên	Người	5	5	
II	Quỹ tiền lương ngạch, bậc, chức vụ và các khoản phụ cấp	Triệu đồng	13.652	13.232	Theo số liệu BC quyết toán lương năm 2024
III	Nguồn tài chính	Triệu đồng	21.688	18.770	NSNN + nguồn thu
A	Nguồn thu, chi nhiệm vụ thường xuyên	<i>Triệu đồng</i>	17.696	15.956	
1	Nguồn thu từ hoạt động cung cấp dịch vụ sự nghiệp công sử dụng NSNN, gồm:	<i>Triệu đồng</i>	-	-	
1,1	Thu từ nguồn NSNN đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp dịch vụ	<i>Triệu đồng</i>	-	-	
1,2	Thu từ người thụ hưởng dịch vụ (như học phí, thu từ dịch vụ khám chữa bệnh của người có thẻ BHYT theo quy định của cấp có thẩm quyền,...)	<i>Triệu đồng</i>	-	-	
2	Thu từ nhiệm vụ khoa học và công nghệ khi được cơ quan có thẩm quyền tuyển chọn hoặc giao trực tiếp theo quy định (áp dụng đối với tổ chức khoa học công nghệ công lập)	<i>Triệu đồng</i>	-	-	
3	Thu từ hoạt động cung cấp dịch vụ sự nghiệp công không sử dụng NSNN; thu từ hoạt động sản xuất kinh doanh, liên doanh liên kết (chỉ tính phần chênh lệch thu lớn hơn chi sau khi đã thực hiện các nghĩa vụ với Nhà nước theo quy định)	<i>Triệu đồng</i>	-	-	
4	NSNN hỗ trợ chi thường xuyên giao tự chủ trên cơ sở nhiệm vụ được Nhà nước giao, số lượng người làm việc hưởng lương từ NSNN và định mức phân bổ dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt và các khoản thu của đơn vị (đối với đơn vị do NSNN bảo đảm chi thường xuyên)	<i>Triệu đồng</i>	17.696	15.956	
	<i>Trong đó : Tồn năm trước chuyển sang</i>	<i>Triệu đồng</i>	773	773	
5	Nguồn thu phí theo Luật Phí và lệ phí (phần được để lại chi thường xuyên theo quy định)	<i>Triệu đồng</i>	-	-	

TT	Nội dung	Đơn vị	Cấp Tiểu học		
			Kế hoạch/ Dự toán	Thực hiện	Ghi chú
6	NSNN hỗ trợ một phần chi thường xuyên, do nguồn thu phí theo Luật Phí và lệ phí được để lại chi theo quy định không đủ chi thường xuyên (đối với đơn vị tự bảo đảm một phần chi thường xuyên từ nguồn thu phí, không có nguồn thu hoạt động dịch vụ sự nghiệp công, dịch vụ khác)	Triệu đồng	-	-	
7	Nguồn thu hợp pháp khác thu căn tin (nếu có)	Triệu đồng			
	<i>Trong đó : Tồn năm trước chuyển sang</i>	Triệu đồng			
8	Nguồn NSNN giao nhiệm vụ cung cấp dịch vụ sự nghiệp công (trong trường hợp chưa có định mức kinh tế kỹ thuật và chưa có giá do cơ quan có thẩm quyền ban hành nếu có)	Triệu đồng	-	-	
IV	Chi thường xuyên	Triệu đồng	17.696	15.955	Tổng chi NS + ng.thu (căn tin)
1	Chi tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp, đóng góp theo lương	Triệu đồng	13.652	13.232	Biên chế + HĐ 111 + HĐ ngắn hạn trong chỉ tiêu
	<i>Trong đó : Nguồn NSNN cấp</i>	Triệu đồng	13.652	13.232	
	<i>Nguồn thu (Học phí, căn tin)</i>	Triệu đồng			
2	Chi thuê chuyên gia, nhà khoa học	Triệu đồng	-	-	
3	Chi hoạt động chuyên môn cung cấp dịch vụ sự nghiệp	Triệu đồng	1.195	1.024	
	<i>Trong đó : Nguồn NSNN cấp</i>	Triệu đồng	1.195	1.024	
	<i>Nguồn thu (Học phí, căn tin)</i>	Triệu đồng			
4	Chi thực hiện công việc, dịch vụ và thu phí	Triệu đồng	-	-	
5	Chi quản lý; chi mua sắm, sửa chữa, bảo dưỡng tài sản thường xuyên	Triệu đồng	695	314	Số chi Mục 6900+ 6950+7050
	<i>Trong đó : Nguồn NSNN cấp</i>		695	314	
	<i>Nguồn thu (Học phí, căn tin)</i>				
6	Trích khấu hao tài sản cố định	Triệu đồng	-	-	
7	Trích lập các khoản dự phòng (nếu có)	Triệu đồng	-	-	
8	Chi trả lãi tiền vay	Triệu đồng	-	-	
9	Chi thường xuyên khác (thuyết minh nội dung, nếu có)	Triệu đồng	2.154	1.385	Số còn lại - tăng thu nhập cuối năm
10	Chi từ nguồn NSNN giao nhiệm vụ cung cấp dịch vụ sự nghiệp công (trong trường hợp chưa có định mức kinh tế kỹ thuật và chưa có giá do cơ quan có thẩm quyền ban hành nếu có) tại điểm 8 mục I nêu trên	Triệu đồng	-	-	



TT	Nội dung	Đơn vị	Cấp Tiểu học		
			Kế hoạch/ Dự toán	Thực hiện	Ghi chú
V	Phân phối kết quả tài chính (Chênh lệch thu, chi trích lập các quỹ = III-IV)	Triệu đồng	(12.523)	(12.753)	
	<i>(không bao gồm chênh lệch thu, chi nguồn NSNN giao nhiệm vụ cung cấp dịch vụ sự nghiệp công nêu trên, chi theo thực tế như nguồn kinh phí chi nhiệm vụ không thường xuyên)</i>				
1	Trích Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp	Triệu đồng	-	-	
2	Trích Quỹ bổ sung thu nhập	Triệu đồng	-	-	
3	Trích Quỹ khen thưởng, Quỹ phúc lợi	Triệu đồng	-	-	
4	Trích Quỹ khác (nếu có)	Triệu đồng	-	-	
	<i>(Đối với đơn vị nhóm 4, báo cáo về tình hình sử dụng số kinh phí chi thường xuyên tiết kiệm được theo quy định tại Điều 22 Nghị định số 60/2021/NĐ-CP)</i>				
5	Thu nhập tăng thêm của các đơn vị	triệu đồng	1.092	1.092	
	Hệ số thu nhập tăng thêm bình quân	lần	0,080	0,083	
	Người có thu nhập tăng thêm cao nhất, tên đơn vị	Triệu đồng/tháng			
	Người có thu nhập ứng thêm thấp nhất, tên đơn vị	Triệu đồng/tháng			
B	Nguồn thu, chi nhiệm vụ thường xuyên không giao tự chủ		3.992	2.814	
	<i>(Chi tiết từng nguồn kinh phí)</i>				
1	Nguồn thu		-	-	
a	Nguồn ngân sách nhà nước cấp cho các nhiệm vụ thường xuyên không giao tự chủ (chi tiết từng loại kinh phí)				
b	Nguồn thu phí được để lại chi nhiệm vụ không thường xuyên		-	-	
c	Nguồn vốn vay, viện trợ, tài trợ theo quy định của pháp luật		-	-	
d	Nguồn khác		-	-	
2	Chi nhiệm vụ thường xuyên không giao tự chủ	Triệu đồng	3.992	2.814	
	<i>(Chi tiết từng nguồn kinh phí như số thứ tự I nêu trên)</i>				
a.	Chi đào tạo		17	10	
b	Chi sửa chữa		50	45	
c	Chi mua sắm		317	38	
d	Chi chuyên môn (thừa giờ, sinh hoạt hè)		1.691	1.439	
e	Chi khác :.		1.917	1.282	
IV	Về vay vốn, huy động vốn	Triệu đồng	-	-	
1	Vốn vay của các tổ chức tín dụng		-	-	

TT	Nội dung	Đơn vị	Cấp Tiểu học		
			Kế hoạch/ Dự toán	Thực hiện	Ghi chú
	Số vốn vay		-	-	
	Số đã trả nợ		-	-	
2	Huy động vốn của cán bộ, viên chức		-	-	
	Số vốn huy động		-	-	
	Số đã trả		-	-	

Ghi chú: Số thứ tự Điểm 1.1 A.III (*): Tùy theo từng loại hình đơn vị để báo cáo kinh phí NSNN đặt hàng theo giá tính đủ chi phí có khấu hao tài sản cố định hoặc tính đủ chi phí không có khấu hao tài sản cố định.

NGƯỜI LẬP BIỂU

(Ký tên)



Đinh Thị Khánh Vân

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Ký tên, đóng dấu)



Nguyễn Văn Công

